SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÀO CAI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG LÊ HỒNG PHONG

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 MÔN NGỮ VĂN LỚP 10, THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Tổng % điểm
1	Đọc	Văn nghị luận	2	2	1		
			10%	20%	10%	0%	**40%**
2	Viết	Viết bài văn nghị luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.	1*	1*	1*	1*	
			15%	25%	10%	10%	**60%**
Tổng			***25%***	***45%***	***20%***	***10%***	**100%**
Tỉ lệ chung			**70%**		**30%**		

Lưu ý: - Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là đề tự luận

- Cách tính điểm của mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong Đáp án và hướng dẫn chấm

ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 –MÔN NGỮ VĂN LỚP 10, THỜI GIAN:90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/ Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/Kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Văn bản nghị luận (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	**Nhận biết:** - Nhận biết được luận đề chính trong văn bản. - Nhận biết được luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản. - Nhận biết được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả. - Nhận biết được các yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận. **Thông hiểu:** - Xác định được được nội dung bao quát, tư tưởng chủ đạo của văn bản. - Xác định và lí giải được mục đích, quan điểm của người viết. - Lí giải được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung văn bản. - Phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận. **Vận dụng**: - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. - Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả. **Vận dụng cao:** - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hóa để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản. - Đánh giá được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.	2	1	1	0	40%

TT	Nội dung kiến thức/ Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/Kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
2	VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI	Viết bài văn nghị luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.	**Nhận biết:** - Nêu được thói quen hay quan niệm mang tính tiêu cực, cần phải từ bỏ. - Xác định rõ được mục đích (khuyên người khác từ bỏ thói quen / quan niệm), đối tượng nghị luận (người / những người mang thói quen / quan niệm mang tính tiêu cực). - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. **Thông hiểu:** - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Trình bày được những khía cạnh mang tính tiêu cực, bất lợi của thói quen / quan niệm; những lợi ích của việc từ bỏ thói quen / quan niệm ấy. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. **Vận dụng**: - Thể hiện được thái độ tôn trọng với đối tượng thuyết phục; chỉ ra được lợi ích của việc từ bỏ thói quen, quan niệm. - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic. **Vận dụng cao**: - Sử dụng kết hợp của phương thức miêu tả, biểu cảm, … để tăng sức thuyết phục cho lập luận. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.	1*	1*	1*	1*	60%
Tổng, Tỉ lệ %				**40**	**30**	**20**	**10**	**100**
Tỉ lệ chung				**70**		**30**		**100**

ĐỀ MINH HỌA KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 –MÔN NGỮ VĂN LỚP 10, THỜI GIAN:90 PHÚT

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm).

Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi.

Sự khác biệt giữa Người Chủ động và Người Thụ động thể hiện ở mọi cử chỉ, hành động. Người Chủ động luôn hoàn thành những việc mà anh ta muốn hoàn thành, anh ta giành được sự tự tin, giữ được tinh thần ổn định, tính tự lập và kiếm được thu nhập khá hơn. Người Thụ động không thể hoàn thành những việc anh ta muốn, vì anh ta không bao giờ chịu hành động dứt khoát. Hậu quả là anh ta sẽ đánh mất sự tự tin, tự hủy hoại khả năng làm việc độc lập, và rốt cuộc, sẽ phải chấp nhận một cuộc sống của kẻ tầm thường.

Người Chủ động luôn hoạch định để hành động, Người Thụ động luôn hoạch định để ...trì hoãn.

Ai cũng muốn trở thành Người Chủ động. Vì vậy, hãy tập thói quen hành động.

Rất nhiều người thụ động không bao giờ chịu hành động, vì họ còn chờ cho đến khi mọi điều kiện đều tuyệt đối hoàn hảo thì mới bắt tay vào. Chẳng ai mà không muốn có được hoàn cảnh tuyệt đối thuận lợi, nhưng bất cứ việc gì thuộc về con người cũng đều không tuyệt đối, hoàn hảo. Vì thế, chờ đợi sự hoàn hảo 100% chỉ là sự chờ đợi vô vọng.

(David J. Schwartz. Ph.D, *Dám nghĩ lớn*, NXB Tổng hợp Tp.HCM, Tái bản 2021, Tr.112 – 113)

Câu 1. Xác định luận đề của văn bản.

Câu 2. Chỉ ra một lí lẽ được tác giả sử dụng để khuyên con người từ bỏ thói quen trì hoãn.

Câu 3. Phân tích hiệu quả của biện pháp liệt kê được sử dụng trong câu: "*Người Chủ động luôn hoàn thành những việc mà anh ta muốn hoàn thành, anh ta giành được sự tự tin, giữ được tinh thần ổn định, tính tự lập và kiếm được thu nhập khá hơn*".

Câu 4. Anh/ chị hiểu như nào về ý kiến " *chờ đợi sự hoàn hảo 100% chỉ là sự chờ đợi vô vọng*"?

Câu 5. Từ văn bản, anh/chị hãy rút ra bài học cho bản thân (trình bày khoảng 5–7 dòng).

II. VIẾT (6.0 điểm).

Lạm dụng điện thoại thông minh là một thói quen phổ biến của nhiều học sinh hiện nay. Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) để thuyết phục các bạn trong lớp từ bỏ thói quen này.